TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 119/2025/HS-ST
Ngày: 29- 5- 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Đình Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Đại Dương
2. Bà Cao Thị Hồng Minh

- *Thư ký phiên toà:* Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Toà án nhân dân Thành Phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND Thành Phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Thiều Thị Thùy D - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 27/5/2025 đến 29/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2025/TLST-HS ngày 11/02/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2025/QĐXXST-HS ngày 14/4/2025; quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐ- HPT ngày 28/4/2025; thông báo mở lại phiên tòa sơ thẩm số 01/TB-TA ngày 05/5/2025 của Tòa án nhân dân Thành Phố Điện Biên Phủ đối với bị cáo:

Họ và tên: Lò Thị L; tên gọi khác: Không có tên gọi khác; giới tính: Nữ, sinh năm 1986 tại tỉnh Điện Biên; nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản H, phường H, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: nhân viên thu cước; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lò Văn S; con bà Lò Thị Đ; bị cáo có chồng là: Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 và có hai con, con lớn, sinh năm 2010 con nhỏ, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xét xử, chưa bị xử lý hành chính; bị tạm giữ tạm giam từ ngày 13/01/2024 đến ngày 09/8/2024. Từ ngày 10/8/2024 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Công ty Cổ phần V6 – Chi nhánh Đ6; Địa chỉ: Số E, V, tổ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Lan A - Chức vụ Giám đốc Chi nhánh

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Thu H, sinh năm 1990

Chức vụ: Phụ trách phòng dịch vụ khách hàng Công ty Cổ phần V6 – Chi nhánh Đ6; Địa chỉ: Số nhà F, tổ D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị Á; Địa chỉ: Tổ E, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

2. Bà Trần Thị Kim A1; Địa chỉ: Số nhà B, Tổ A, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

3. Bà Phạm Lan A2; Địa chỉ: Số D, Tổ A, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

4. Ông Nguyễn Văn B; Địa chỉ: SN C, tổ B, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

5. Ông Lê Đình B1; Địa chỉ: Số nhà A, tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

6. Ông Trần Xuân B2; Địa chỉ: Số nhà F, tổ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

7. Bà Nguyễn Thị B3; Địa chỉ: Tổ E, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

8. Ông Ngô Văn C (Nguyễn Thị X); Địa chỉ: Số nhà I, Tổ E, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

9. Ông Nguyễn Thái C1 (Nguyễn Thị L1); Địa chỉ: Số nhà H, Tổ B, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Ông Trần Văn C2; Địa chỉ: Tổ B, xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

11. Bà Lò Thị C3; Địa chỉ: Bản L, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

12. Ông Đặng Văn C4 (Hà Thị X1); Địa chỉ: Đội E, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

13. Ông Trần Mạnh C5; Địa chỉ: Khu C (L), phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

14. Ông Trần Minh C6; Địa chỉ: Đội C, xã T, huyện Đ, Điện Biên, vắng mặt không có lý do

15. Ông Quàng Văn C7; Địa chỉ: Đội C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

16. Ông Nguyễn Mạnh C8; Địa chỉ: Số nhà A, Tổ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

17. Bà Lò Thị D1; Địa chỉ: Bản L, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên¸ vắng mặt không có lý do.

18. Ông Quàng Văn Đ1; Địa chỉ: Bản L, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

19.Ông Lê Quý Đ2; Địa chỉ: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

20. Ông Trần Văn Đ3; Địa chỉ: Số nhà B, Tổ I, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

21. Ông Nguyễn Văn D2; Địa chỉ: Số nhà B, Tổ I, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

22. Ông Lê Minh Đ4; Địa chỉ: Số nhà D, Tổ I, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

23. Ông Lê Anh Đ5; Địa chỉ: (Đối diện số nhà A), Tổ E, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

24. Ông Đỗ Xuân D3; Địa chỉ: Số nhà G, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

25. Bà Lưu Thùy D4 (Lưu Đình B4); Địa chỉ: Số nhà B, Tổ A, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

26. Bà Lê Thị D5; Địa chỉ: C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

27. Bà Đào Thị D6; Địa chỉ: Số C, Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

28. Bà Vũ Thị Kim D7 (Cao Văn T1); Địa chỉ: Số nhà E, Tổ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

29. Ông Lò Văn D8; Địa chỉ: Bản P, Đội H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

30. Ông Trần Mạnh H1; Địa chỉ: Đ, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

31. Ông Nguyễn Phi H2; Địa chỉ: Số nhà B, Tổ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

32. Ông Đinh Ngọc H3 (Vũ Thị N); Địa chỉ: Tổ D, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

33. Bà Nguyễn Diễm H4; Địa chỉ: Số nhà B, Tổ I, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

34. Bà Nguyễn Thị H5; Địa chỉ: Số nhà E, Tổ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

35. Bà Mai Thị H6 (Nguyễn Văn K); Địa chỉ: Tổ E, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

36. Ông Nguyễn Văn H7 (Nguyễn Thị T2); Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

37. Ông Nguyễn Duy H8; Địa chỉ: Đội E, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

38. Ông Lò Văn D9 (Lò Văn H9); Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

39. Bà Trịnh Thị H10; Địa chỉ: Số nhà B, Tổ C, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

40. Ông Nguyễn Tiến H11; Địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

41. Ông Nguyễn Mạnh H12; Địa chỉ: Số nhà C, Tổ C, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

42. Ông Đỗ Văn H13; Địa chỉ: Số nhà C, Tổ H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

43. Bà Hoàng Thị H14; Địa chỉ: Số nhà C, Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

44. Bà Nguyễn Thị Thu H15 (Nguyễn Thị T2); Địa chỉ: Số nhà A, Tổ I, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

45. Bà Vũ Thị H16; Địa chỉ: Tổ E, phường H, TP ., T. Đ, vắng mặt không có lý do

46. Ông Lò Văn H17 (Lò Văn T3); Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

47. Bà Đỗ Thị H18; Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

48. Ông Trần Văn H19; Địa chỉ: Số nhà C, Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

49. Ông Trần Quang H20; Địa chỉ: Tổ E, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

50. Ông Tòng Văn K1; Địa chỉ: Bản M, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

51. Ông Nguyễn Duy K2; Địa chỉ: Số nhà A, Tổ G, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

52. Ông Đoàn Văn K3; Địa chỉ: C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

53. Ông Nguyễn Văn K4; Địa chỉ: Tổ B, xã T, TP ., T. Đ, vắng mặt không có lý do

54. Ông Nguyễn Đình K5; Địa chỉ: Số nhà I, Tổ G, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

55. Bà Trương Thị L2; Địa chỉ: Số nhà C, Tổ A, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

56. Bà Đỗ Thị L3; Địa chỉ: Số nhà H, Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

57. Bà Nguyễn Thị Ngọc L4; Địa chỉ: Số nhà F, Tổ H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

58. Bà Vũ Thị Tuyết L5; Địa chỉ: Đội E, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

59. Bà Trần Bá L6; Địa chỉ: Tổ I, phường H, TP ., tỉnh. Điện Biên, vắng mặt không có lý do

60. Bà Vũ Thanh L7 (Trần Thị Bích T4); Địa chỉ: Đội E, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

61. Ông Mai Văn L8; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

62. Ông Vũ Năng L9; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

63. Bà Nguyễn Thị L10 (Nguyễn Thị N1); Địa chỉ: SN F, Tổ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

64. Bà Ngô Thị Khánh L11; Địa chỉ: Số nhà B, Tổ A, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

65. Ông Nguyễn Huy M; Địa chỉ: Số nhà C, Tổ I, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

66. Bà Nguyễn Thị M1; Địa chỉ: Số nhà A, Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

67. Bà Nguyễn Thị M2; Địa chỉ: Số B, Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

68. Ông Hà Văn M3; Địa chỉ: Số nhà H, Tổ H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

69. Bà Nguyễn Thị M4; Địa chỉ: Số nhà D, Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

70. Bà Phạm Thị M5; Địa chỉ: Số nhà B, Tổ F, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

71. Bà Phạm Thị M6; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

72. Bà Nguyễn Thị Ánh M7; Địa chỉ: Tổ C, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

73.Ông Vũ Văn N2; Địa chỉ: Đội E, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

74. Ông Nguyễn Hữu N3 (Đỗ Thị Thanh T5); Địa chỉ: "Số nhà B, Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

75. Bà Kim Thúy N4; Địa chỉ: Số nhà B, Tổ I, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

76. Bà Lê Thị N5; Địa chỉ: Tổ A, phường H, TP ., T. Đ, vắng mặt không có lý do

77. Bà Trần Thị Kim N6 (Lê Xuân T6); Địa chỉ: Tổ B, xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

78. Bà Bùi Thị N7 (Lê Văn K6); Địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

79. Ông Lê Bá N8; Địa chỉ: Số nhà A, Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

80. Ông Quàng Văn N9; Địa chỉ: Đội H, xã T, H. Đ, T. Đ, vắng mặt không có lý do

81. Bà Nguyễn Thị N10; Địa chỉ: Số nhà C, Tổ I, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

82. Bà Vũ Thị N11; Địa chỉ: Đ C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

83. Ông Vũ Quang N12; Địa chỉ: Đội E, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

84. Bà Lò Thị N13; Địa chỉ: Bản L, xã T, H. Đ, T. Đ, vắng mặt không có lý do

85. Bà Đặng Thị N14; Địa chỉ: Đội E, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

86. Ông Trần Đình N15; Địa chỉ: Đội C, xã T, huyện Đ, T. Đ, vắng mặt không có lý do

87. Bà Đỗ Thị N16; Địa chỉ: Số nhà A, Tổ C, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

88. Bà Hoàng Kiều O; Địa chỉ: Số nhà F, Tổ D, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

89. Bà Đinh Thị O1; Địa chỉ: Số nhà I, Tổ A, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

90. Bà Dương Thị P; Địa chỉ: Số nhà F, Tổ A, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

91. Ông Trần Sỹ Q; Địa chỉ: Đội E, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

92. Ông Đặng Văn Q1; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

93. Ông Ngô Chí Q2; Địa chỉ: Số E, Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

94. Bà Bế Thị Q3; Địa chỉ: Số F, Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

95. Ông Nguyễn Xuân Q4 (Khổng Văn M8); Địa chỉ: Tiểu đoàn E, Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

96. Ông Lương Ngọc R; Địa chỉ: Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

97. Bà Nguyễn Thị S1; Địa chỉ: Tổ F, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

98. Ông Nguyễn Ngọc S2; Địa chỉ: Số D, Tổ I, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

99. Ông Phạm Tất T7; Địa chỉ: Tổ B, xã T, TP ., T. Đ, vắng mặt không có lý do

100. Ông Nguyễn Cảnh T8; Địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

101. Ông Nguyễn Văn T9 (Vi Thị M9); Địa chỉ: Đội C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

102. Bà Ngô Thị T10; Địa chỉ: Đội C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

103. Ông Đàm Văn T11; Địa chỉ: Số F, Tổ D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

104. Ông Nguyễn Tất T12; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

105. Bà Nguyễn Thị Thanh T13; Địa chỉ: Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên\, vắng mặt không có lý do

106. Bà Phan Thị T14; Địa chỉ: Tổ B, phường H, TP ., T. Đ, vắng mặt không có lý do.

107. Bà Mai Thị Thúy T15; Địa chỉ: Tổ C, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

108. Ông Cao Đăng T16; Địa chỉ: Đội C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

109. Ông Phạm Văn T17 (Đặng Thị M10); Địa chỉ: Kiot A, Tổ C, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

110. Bà Bạc Thị T18; Địa chỉ: Số I, Tổ E, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

111. Ông Nguyễn Đức T19; Địa chỉ: Tổ B, xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

112. Ông Nguyễn Vũ T20; Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

113. Bà Vũ Thị T21 (Nguyễn Văn T; Địa chỉ: Đội E, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

114. Bà Nguyễn Thị T2; Địa chỉ: Đội C, xã T, H. Đ, T. Đ, vắng mặt không có lý do

115. Bà Đào Thị T22; Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

116. Bà Quàng Thị T23; Địa chỉ: Bản L, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

117. Bà Lê Thị T24; Địa chỉ: Số A, Tổ B 7, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

118. Ông Nguyễn Hữu T25; Địa chỉ: Số D, Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

119. Ông Trần Văn T26; Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

120. Ông Lò May T27; Địa chỉ: Đội E, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

121. Ông Đặng Văn T28; Địa chỉ: Số C, Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

122. Ông Phạm Ngọc T29; Địa chỉ: Số I, Tổ E, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

123. Ông Nguyễn Trọng T30; Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

124. Bà Trương Thị Hải T31**;** Địa chỉ: Số C, Tổ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

125. Ông Nguyễn Khánh T32; Địa chỉ: Tổ H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

126. Ông Lê Văn T33 (Nguyễn Ngọc Q5); Địa chỉ: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

127. Bà Đỗ Thị T34; Địa chỉ: Số nhà A, Tổ E, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

128. Bà Trần Thị T35; Địa chỉ: Tổ A, xã T, TP ., tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

129. Trần Văn T36 (Hoàng Thị H14); Địa chỉ: Số B, Tổ I, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

130. Bà Phạm Thị T37; Địa chỉ: Số B, Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

131. Ông Lò Văn T38; Địa chỉ: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

132. Ông Phạm Đức T39; Địa chỉ: Số D 7, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do

133. Ông Bùi Văn T40; Địa chỉ: Số G, Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

134. Ông Nguyễn Văn T41; Địa chỉ: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

135. Bà Chu Thị T42; Địa chỉ: Tổ A, xã T, thành phố Đ, T. Đ, vắng mặt không có lý do.

136. Ông Đào Văn T43; Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

137. Ông Nguyễn Ngọc T44; Địa chỉ: Số A, Tổ B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

138. Ông Tráng A T45 (Tráng Thị C9); Địa chỉ: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên) - Đội 2A, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

139. Bà Hoàng Thị T46 (Phạm Khắc C10); Địa chỉ: Đội B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

140. Bà Hà Thị Minh T47; Địa chỉ: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

141. Bà Lê Thị Hương V; Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

142. Bà Nguyễn Thị Thúy V1; Địa chỉ: Số B, Tổ B, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

143. Bà Bùi Thị Thùy V2; Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

144. Bà Vũ Thị V3; Địa chỉ: Tổ F, phường H, TP ., T. Đ, vắng mặt không có lý do.

145. Bà Lường Thị V4; Địa chỉ: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

146. Bà Dương Thị V5; Địa chỉ: Số A, Tổ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

147. Ông Hoàng Văn Y; Địa chỉ: Tổ F, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

148. Bà Lường Thị Hải Y1; Địa chỉ: Tổ G, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

149. Bà Cao Thị Y2; Địa chỉ: Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lò Thị L là cán bộ thu cước thuộc Công ty TNHH H21 (TIN) có ký kết hợp đồng lao động không kỳ hạn, kèm theo bản mô tả công việc cụ thể L phải làm. L được TIN cử sang Công ty cổ phần V6 chi nhánh Đ6 (V6) là đối tác của TIN thực hiện nhiệm vụ thu tiền cước đối với khách hàng đang sử dụng dịch vụ Internet và truyền hình của V6. Ngoài ra, theo sự phân công trực tiếp của lãnh đạo Phòng Dịch vụ chăm sóc khách hàng, L còn thực hiện một số công việc khác như: phát triển, đấu mới thuê bao, chăm sóc khách hàng, khôi phục dịch vụ, tiếp nhận thông tin từ khách hàng có nguy cơ không muốn tiếp tục sử dụng dịch vụ, bán sản phẩm của V6... trên địa bàn thành phố Đ và xã T thuộc huyện Đ. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2022 đến tháng 6/2023, vì không còn khả năng trả lãi khoản vay Ngân hàng TMCP Đ7 chi nhánh Đ6, L đã lợi dụng việc thực hiện thu tiền cước để chiếm đoạt tiền của FPT phục vụ mục đích cá nhân. Theo quy định vào ngày mùng 2 hàng tháng danh sách khách hàng đến hạn thu cước của tháng liền kề trước đó sẽ được FPT gửi vào tài khoản ứng dụng MobiPay của L có tên tài khoản là: acct.loanlt1; mật khẩu: Loan@1234 hoặc Loan1234@, danh sách hiển thị đầy đủ thông tin của khách hàng gồm: họ và tên, địa chỉ, số điện thoại, ngày đăng ký, hình thức thanh toán. Căn cứ vào danh sách khách hàng đăng ký thanh toán cước bằng tiền mặt, L gặp trực tiếp khách hàng để thu tiền, tuy nhiên khi tiếp xúc và thu tiền cước của 146 khách hàng ứng với số tiền 311.689.100 đồng nhưng L không nộp tiền vào ví điện tử F, ứng dụng Mobipay của FPT theo quy định vào trước 10 giờ của ngày hôm sau và cũng không báo cho FPT biết khách hàng chuyển đổi gói cước, hình thức thanh toán cước. Hàng tháng L dùng một phần trong số tiền 311.689.100 đồng chuyển tiền vào tài khoản của V6 để thanh toán cước theo tháng cho 146 khách hàng, còn lại 86.042.263 đồng L đã chiếm đoạt của Công ty cổ phần V6 – Chi nhánh Đ6.

Đến ngày 20/6/2023, FPT phát hiện L không nộp tiền thu cước của khách hàng vào tài khoản của FPT qua đơn phản ánh của khách hàng. Ngày 11/9/2023, V6 đã gửi đơn tố giác tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, đề nghị xử lý theo quy định.

Đại diện cho bị hại bà Đoàn Thị Thu H có ý kiến: Bà giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, bị cáo L đã lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao theo hợp đồng lao động kèm theo bản mô tả công việc thực hiện các nhiệm vụ thu cước đối với khách hàng sử dụng dịch vụ internet và truyền hình của F1 và ngoài ra theo sự phân công của lãnh đạo phòng dịch vụ chăm sóc khách hàng thực hiện các nhiệm vụ khác như phát triển đấu mới thuê bao, tiếp nhận thông tin của khách hàng, tư vấn, thu tiền chuyển đổi gói cước. Bị cáo sau khi thu tiền chuyển đổi gói cước của khách hàng đã không nộp tiền và báo về công ty để công ty

chuyển đổi gói cước theo quy định mà sử dụng tiêu sài vào mục đích cá nhân, gây thiệt hại cho Công ty cổ phần V6 – Chi nhánh Đ6 số tiền 86.042.263 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền 86.042.263 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt cho Công ty Cổ phần V6 - Chi nhánh Đ6 và số tiền 6.474.100 đồng cho là số tiền bị cáo đã thu trước hạn của ba khách hàng Vũ Thị Á, Hà Thị Minh T47, Trương Thị Hải T31 nhưng chưa thanh toán cước theo tháng cho khách hàng vào tài khoản của FPT do chưa đến thời hạn gia hạn gói cước, sau đó công ty V6 đã nộp thay và chuyển đổi gói cước cho khách hàng, tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho công ty là 92.516.363 đồng, bị hại không yêu cầu tính lãi chậm thi hành án.

Về trách nhiệm hình sự, bà H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo cũng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố: Do hoàn cảnh gia đình khó khăn phải trả một số khoản nợ các nhân nên bị cáo đã lợi dụng nhiệm vụ quyền hạn của mình là nhân viên thu cước của Công ty cổ phần V6 - Chi nhánh Đ6 đã chiếm đoạt tiền 86.042.263 đồng của Công ty cổ phần V6 - Chi nhánh Đ6. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thành khẩn khai báo.

Tại bản Cáo trạng số: 21/CT-VKSĐBP ngày10/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Điện Biên Phủ và Quyết định sửa đổi bổ sung Cáo trạng số 123A/QĐ-VKSĐBP ngày 03/4/2025 đã truy tố bị cáo Lò Thị L về tội: *"Tham ô tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Điện Biên Phủ luận tội bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Thị L từ 03 năm đến 4 năm tù về tội: *"Tham ô tài sản"*.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Công ty Cổ phần V6- Chi nhánh Đ6 số tiền 86.042.263 đồng, trả lại cho bị hại số tiền 6.474.100 đồng, là số tiền mà Công ty Cổ phần V6- Chi nhánh Đ6 đã chuyển đổi và thanh toán gói cước cho ba khách hàng là Vũ Thị Á, Hà Thị Minh T47 và Trương Thị Hải T31.

Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự: Về số tiền mà bị cáo chiếm đoạt đã được chứng minh là 86.042.263/146 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo danh sách trên so với số tiền 228.602.016/217 khách hàng mà Công ty V6 đã cung cấp, số tiền chênh lệch là 142.559.753 đồng không đủ căn cứ chứng minh bị cáo chiếm đoạt. bị hại có quyền giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Về số tiền khuyến mãi mà Công ty V6 đã chuyển đổi gói cước theo tư vấn của bị cáo với khách hàng thì bị hại có quyền yêu cầu giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno5 màu bạc, bên trong được lắp 02 sim điện thoại, điện thoại cũ đã qua sử dụng mà bị cáo Lò Thị L đã dùng vào việc phạm tội.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 3 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.625.818 đồng án phí có giá ngạch.

Bị cáo không bào chữa cho hành vi của mình, nhất trí với nội dung Bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có quan điểm tranh luận. Bị hại cũng nhất trí với bản Luận tội, không có quan điểm tranh luận.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi của bị cáo bị truy tố: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2022 đến tháng 6/2023, trên địa bàn thành phố Đ và huyện Đ, Lò Thị L đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn là cán bộ thu cước của Công ty cổ phần V6 chi nhánh Đ6 thông qua việc trực tiếp thu cước tại nhà của khách hàng đã chiếm đoạt số tiền 86.042.263 đồng của Công ty cổ phần V6 - Chi nhánh Đ6 nhằm mục đích sử dụng cá nhân.

Hành vi của bị cáo được chứng minh bằng: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm (BL 01); Đơn trình báo (BL 02-03); Các biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử (BL 121-122, 123,146;152; 231-238); Bảng kê chi tiết danh sách khách hàng bị Lò Thị L thực hiện hành vi để chiếm đoạt tiền của Công ty cổ phần V6 chi nhánh Đ6 (241-260); Biên bản kiểm tra điện thoại (BL 289); Ảnh chụp phiếu ghi nhận yêu cầu, phụ lục hợp đồng, Ảnh chụp màn hình điện thoại (BL 290 -593); Kết luận giám định điện thoại (BL 65); các biên bản ghi lời khai, bản tự khai của đại diện bị hại FPT (BL 262; 272; 274-277); Biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo, bản tự khai của bị cáo (BL 72-108); Tài liệu do Công ty cổ phần V6 cung cấp chốt 217 khách hàng 228.602.016 đồng (BL 768-792); danh sách khách hàng Công ty cổ phần V6 đã chuyển đổi gói cước

theo phiếu ghi nhận yêu cầu của Lò Thị L (BL 786-792); Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ, Hóa đơn giá trị gia tăng, Phiếu ghi nhận yêu cầu; lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (BL 1105-3364) và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội: *"Tham ô tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Công ty cổ phần V6 - Chi nhánh Đ6 trong lĩnh vực quản lý tài sản công ty, gây thiệt hại về tài và uy tín của của công ty V6- Chi nhánh Đ6.

Từ những phân tích trên, HĐXX khẳng định Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Điện Biên Phủ truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[2]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Bị cáo đã chiếm đoạt được số tiền 86.042.263 đồng của Công ty cổ phần V6 - Chi nhánh Đ6 để tiêu sài cho mục đích cá nhân. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự với mức hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù, hành vi của bị cáo là nghiêm trọng.

[3]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Lò Thị L sinh ra và lớn lên tại tỉnh Điện Biên. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 86.042.263 đồng tương ứng 146 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà cơ quan điều tra đã đủ căn cứ chứng minh. Yêu cầu trả lại số tiền 6.474.100 đồng là số tiền bị cáo đã thu trước hạn phải nộp của ba khách hàng Vũ Thị Á, Hà Thị Minh T47, Trương Thị Hải T31. HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho công ty Cổ phần V6 – Chi nhánh Đ6 tổng số tiền 92.516.363 đồng**,** bị hại không yêu cầu tính lãi chậm trả thi hành án.

HĐXX xem xét hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, hiện bị cáo đang phải nuôi hai con nhỏ, một cháu 12 tuổi, một cháu 15 tuổi, gia đình bị cáo chỉ có duy nhất thu nhập của chồng, để có mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nhưng nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời

gian, để cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là phạt tù thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện chỉ là lao động tự do, thu nhập không ổn định, hiện đang phải nuôi hai con nhỏ, không có tài sản riêng gì có giá trị nên không có khả năng thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Các vấn đề khác: Ngoài 146 khách hàng trên, Lò Thị L còn thu tiền trả trước của 03 khách hàng là Vũ Thị Á, Hà Thị Minh T47, Trương Thị Hải T31 tổng số tiền 6.474.100 đồng, (trên 02 triệu đồng/01 khách hàng), nhưng L không thanh toán cước theo tháng cho khách hàng do chưa đến thời hạn gia hạn gói cước và khách hàng cũng không có ý kiến gì. Hành vi của L đã gây thiệt hại đến lợi ích của V6, nhưng dưới 10 triệu đồng, không đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật hình sự. Tính đến thời điểm Công ty Cổ phần V6 – chi nhánh Đ6 phát hiện hành vi của Lò Thị L đã trên 01 năm, căn cứ Điều 5 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, phòng chống bạo lực gia đình, đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, HĐXX không có căn cứ xem xét xử lý.

Tại Công văn số 826/FTEL ngày 29/8/2024 của Công ty cổ phần V6 (BL 768-771) và danh sách khách hàng tương ứng với số tiền chiếm đoạt do FPT cung cấp thể hiện bị cáo Lò Thị L đã chiếm đoạt của 217 khách hàng sử dụng dịch vụ chiếm đoạt số tiền 228.602.016 đồng của V6 (BL 787 - 791). Công ty cổ phần V6 chi nhánh Đ6 sau khi phát hiện hành vi của bị cáo Lò Thị L thì đã tiến hành chuyển đổi ngay gói cước và hiện các khách hàng đang sử dụng ổn định dịch vụ. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định chỉ đủ căn cứ, chứng cứ để kết luận Lò Thị L đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn là cán bộ thu cước của Công ty cổ phần V6 chi nhánh Đ6 thực hiện việc thu tiền cước của 146 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với số tiền 86.042.263 đồng sau đó không nộp vào tài khoản của công ty V6 theo quy định. Tại biên bản làm việc ngày 26/12/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ với đại diện theo ủy quyền của bị hại bà Đoàn Thị Thu H về việc yêu cầu cung cấp hóa đơn GTGT mà FPT đã chuyển đổi gói cước lẻ cho từng khách hàng, hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ giữa FPT với 217 khách hàng sử dụng dịch vụ mà bị cáo L thông qua đó để chiếm đoạt tiền của FPT theo danh sách mà PFT cung cấp nhưng vì đang nâng cấp trạm máy chủ nên việc truy cập để trích xuất dữ liệu gặp khó khăn (BL 240) và do bị cáo, khách hàng không cung cấp được căn cứ thể hiện việc khách hàng

đã chuyển tiền cho bị cáo để chuyển đổi gói cước khác (BL 3365 -5153). Do vậy số tiền chênh lệch mà Công ty cổ phần V6 cho rằng bị cáo L đã chiếm đoạt là 142.559.753 đồng mà chưa đủ căn cứ chứng minh, bị hại có quyền yêu cầu giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, HĐXX căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tách yêu cầu này giải quyết theo thủ tục dân sự mà không ảnh hưởng tới việc xác định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Đối với số tiền mà Công ty đã nộp cho khách hàng để chuyển đổi gói cước cho 146 khách hàng theo cam kết về chương trình khuyến mại mà bị cáo đã tư vấn cho khách hàng, *Công ty cổ phần V6* – Chi nhánh Đ6 cũng chưa đề nghị giải quyết trong vụ án. Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX tách yêu cầu này để giải quyết thành một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mà Cơ quan Điều tra chưa tiến hành lấy được lời khai theo yêu cầu bổ sung chứng cứ số 02/YC-TA ngày 04/04/2025 của Tòa án tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, cơ quan Điều tra đã có xác minh, việc không tiến hành lấy được lời khai do họ không có mặt tại địa bàn. Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, các phiếu ghi nhận yêu cầu, danh sách chi tiết những khách hàng mà Công ty V6 đã chuyển đổi gói cước theo như cam kết của bị cáo đối với khách hàng, các tài liệu chứng cứ khác, mặc dù không có lời khai cũng đủ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Những trường hợp chưa có lời khai, ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ liên quan về phần trách nhiệm dân sự, nếu họ có yêu cầu, Tòa án sẽ xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, đã nộp tiền cước trả trước cho bị cáo để hưởng khuyến mại nhưng bị cáo không nộp về công ty, do Công ty cổ phần V6 - Chi nhánh Đ6 đã chuyển đổi gói cước cho khách hàng theo cam kết của bị cáo đối với khách hàng nên phía khách hàng không bị thiệt hại gì, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác, HĐXX căn cứ Điều 584, 584, 589 Bộ luật dân sự, chấp nhận sự tự nguyện của họ.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo là công cụ phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nhà nước

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Remo5 màu bạc, kiểu máy CPH2159, số imei 1: 865545056912031, số imei 2: 865545056912023, số sêri: F1886fed, bên trong được lắp 02 sim điện thoại vật lý.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 3 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.625.818 đồng án phí có giá ngạch.

[9]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Đ *(Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ),* Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Điện Biên Phủ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

1. Về tội danh: Bị cáo Lò Thị L phạm tội: *"Tham ô tài sản".*

2. Mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Thị L: 03 *(Ba)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù được khấu trừ thời gian tạm giam từ 13/01/2024 đến 09/8/2024 là 210 ngày (07 tháng), bị cáo còn phải chấp hành 02 (*Hai*) năm 11 (*Mười một*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Remo5 màu bạc, kiểu máy CPH2159, số imei 1: 865545056912031, số imei 2: 865545056912023, số sêri: F1886fed, bên trong được lắp 02 sim điện thoại vật lý.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng đã được Công an Thành phố Đ bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Điện Biên Phủ, hồi 09 giờ, ngày 11 tháng 02 năm 2025).

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho công ty Cổ phần V6 - Chi nhánh Đ6 số tiền 86.042.263 đồng, trả lại số tiền 6.474.100 đồng cho Công ty cổ phần V6 - Chi nhánh Đ6, bị cáo không phải chịu lãi chậm thi hành án.

Áp dụng Điều 30 Bộ Luật tố tụng hình sự: Tách phần bồi thường số tiền 142.559.753 đồng của Công ty Cổ phần V6 - chi nhánh Đ6 đối với bị cáo theo thủ tục tố tụng dân sự.

Tách yêu cầu về số tiền khuyến mại Công ty cổ phần V6 chi nhánh Đ6 đã nộp thay cho bị cáo để chuyển đổi gói cước cho 146 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan *(Theo danh sách trên)* để giải quyết thành một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 3 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.625.818 đồng án phí có giá ngạch.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 29/5/2025. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 29/5/2025*;* người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND thành phố Điện Biên Phủ;
- PC04, Công an tỉnh Điện Biên;
- Phân trại tạm giam khu vực TPĐBP;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- THA DS TP;
- Bị cáo; bị hại, NCQL, NVLQ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đình Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM	**HỘI THẨM**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Cao Đại Dương	**Cao Thị Hồng Minh**	**Lê Đình Hà**

HỘI THẨM **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Văn Hải **Lò Văn Thương**

Lê Đình Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ